

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

**Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo
và phòng, chống tham nhũng Quý I năm 2023**
(Từ 15/12/2022 đến 14/3/2023)

Kính gửi: Thanh tra Chính phủ

Thực hiện Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22/3/2021 và Văn bản số 678/TTCP-KHTH ngày 07/3/2023 của Thanh tra Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo (KN TC) và phòng, chống tham nhũng (PCTN) trong Quý I năm 2023 như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THANH TRA

1. Thanh tra hành chính (các Biểu số: 01/TTr, 02/TTr, 02/QLNN)

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra (Biểu số 01/TTr)

Toàn ngành Thanh tra của tỉnh đã tiến hành 37 cuộc thanh tra tại 86 đơn vị, gồm 31 cuộc thanh tra kinh tế - xã hội và 06 cuộc thanh tra trách nhiệm thủ trưởng; có 15 cuộc thanh tra từ năm 2022 chuyển sang và 22 cuộc triển khai trong kỳ; có 33 cuộc thanh tra theo kế hoạch và 04 cuộc đột xuất. Trong đó, Thanh tra tỉnh tiến hành 08 cuộc tại 50 đơn vị; Thanh tra các sở, ban, ngành tiến hành 08 cuộc tại 09 đơn vị; Thanh tra các huyện, thị xã, thành phố tiến hành 21 cuộc tại 27 đơn vị.

b) Kết luận thanh tra (Biểu số 01/TTr)

Thủ trưởng các ngành, địa phương đã ban hành Kết luận thanh tra 16 cuộc, phát hiện vi phạm về kinh tế 2.721 triệu đồng. Các vi phạm chủ yếu liên quan đến việc chi thanh toán sai khối lượng trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; chi không đúng quy định; kê khai thiếu thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và một số vi phạm khác. Qua thanh tra đã xử lý thu hồi về cho Nhà nước 2.364 triệu đồng, kiến nghị xử lý hình thức khác (chấn chỉnh công tác quản lý, hoàn chỉnh hồ sơ, sổ sách...) 357 triệu đồng; kiến nghị kiểm điểm, xử lý hành chính các tập thể, cá nhân có liên quan; kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục và tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các tồn tại, khuyết điểm trên các lĩnh vực đã phát hiện qua thanh tra.

c) Kết quả thực hiện kết luận thanh tra (Biểu số 02/TTr)

Thanh tra các cấp, các ngành đã tiến hành đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý đối với 12 Kết luận thanh tra đã có hiệu lực pháp luật với số tiền phải thu hồi 1.213 triệu đồng và số tiền phải xử lý khác 357

triệu đồng. Đến nay đã có 12/12 Kết luận thanh tra đã thực hiện xong, kết quả đã thu hồi về cho Nhà nước 1.213/1.213 triệu đồng (đạt tỷ lệ 100%); các cơ quan có liên quan đã thực hiện xử lý khác về kinh tế 357/357 triệu đồng (đạt tỷ lệ 100%).

d) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC, PCTN (Biểu số 02/QLNN)

Các cấp, các ngành đã chỉ đạo tiến hành 06 cuộc thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, KNTC và PCTN tại 10 đơn vị¹. Ngoài ra, một số sở đã thực hiện 03 cuộc thanh tra trách nhiệm tại 04 đơn vị được lồng ghép vào nội dung thanh tra trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao².

đ) Kết quả thanh tra trên một số lĩnh vực cụ thể

- Lĩnh vực quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng

Đã tiến hành 01 cuộc thanh tra tại 01 đơn vị; hiện nay đang thanh tra, chưa ban hành Kết luận thanh tra.

- Lĩnh vực quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách

Đã tiến hành 17 cuộc thanh tra tại 52 đơn vị; ban hành Kết luận thanh tra 05 cuộc, phát hiện vi phạm về kinh tế 2.691 triệu đồng; xử lý thu hồi về cho Nhà nước 2.334 triệu đồng, kiến nghị xử lý khác về kinh tế 357 triệu đồng.³

- Lĩnh vực quản lý, sử dụng đất

Đã tiến hành 05 cuộc thanh tra tại 14 đơn vị; ban hành Kết luận thanh tra 01 cuộc. Qua thanh tra đã kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục các thiếu sót, tồn tại trong công tác quản lý và sử dụng đất đai; chưa phát hiện vi phạm phải bị xử lý.

- Lĩnh vực khác

Đã tiến hành 08 cuộc thanh tra tại 09 đơn vị; ban hành Kết luận thanh tra 06 cuộc, phát hiện vi phạm về kinh tế, xử lý thu hồi về cho Nhà nước 30 triệu đồng.⁴

¹ Trong đó, Thanh tra tỉnh tiến hành 01 cuộc tại 01 đơn vị; Thanh tra các huyện, thị xã, thành phố tiến hành 05 cuộc tại 09 đơn vị.

² Cụ thể: Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành 01 cuộc tại 01 đơn vị; Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành 01 cuộc tại 01 đơn vị; Sở Y tế tiến hành 01 cuộc tại 02 đơn vị.

³ Một số cuộc thanh tra có vi phạm như: Thanh tra tỉnh thanh tra tại UBND huyện và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Hoài Ân, phát hiện và xử lý thu hồi về cho Nhà nước 1.151 triệu đồng, trong đó kê khai thiếu thuế GTGT và thuế TNDN 135 triệu đồng, thanh toán sai khối lượng trong quản lý đầu tư, XD CB 1.016 triệu đồng; thanh tra tại 24 Trường Trung học phổ thông công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, phát hiện và xử lý thu hồi về cho Nhà nước 1.170 triệu đồng do 23/24 đơn vị chưa thực hiện kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số tiền thu được từ việc tổ chức dạy thêm, học thêm tại trường. Thành phố Quy Nhơn thanh tra tại UBND xã Phước Mỹ, phát hiện và kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục, rút kinh nghiệm do chi lương hợp đồng cán bộ, chi hỗ trợ lễ, tết, chi công tác phí và chi mua sắm tài sản không đúng quy định, với số tiền gần 357 triệu đồng. Sở Giáo dục và Đào tạo thanh tra tại Trường THPT số 3 Tuy Phước, phát hiện và xử lý thu hồi về cho Nhà nước số tiền 13 triệu đồng do chi dạy thêm giờ cho giáo viên không đúng quy định.

⁴ Cụ thể: Sở Giáo dục và Đào tạo thanh tra tại Trường THPT Hoài Ân, phát hiện và xử lý thu hồi về cho Nhà nước 16 triệu đồng do do chi dạy thêm giờ cho giáo viên không đúng quy định; thanh tra tại Trường THPT số 1 Tuy Phước, phát hiện và xử lý thu hồi về cho Nhà nước 14 triệu đồng do do chi dạy thêm giờ cho giáo viên không đúng quy định.

2. Thanh tra chuyên ngành (các Biểu số: 06/TTr, 07/TTr)

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra

Trong kỳ, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh đã chỉ đạo tiến hành 315 cuộc thanh tra, kiểm tra tại 1.085 lượt tổ chức và cá nhân trong việc chấp hành chính sách, pháp luật, quy định của Nhà nước trên các lĩnh vực như: trật tự xây dựng; trật tự an toàn giao thông; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản; quản lý giá; hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, kinh doanh thuốc; các lĩnh vực giáo dục và đào tạo; lao động - thương binh và xã hội; khoa học - công nghệ; thông tin - truyền thông... Trong đó, có 03 cuộc thanh tra, kiểm tra từ năm 2022 chuyển sang, 312 cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ; có 283 lượt kiểm tra thường xuyên, 22 cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và 10 cuộc thanh tra, kiểm tra đột xuất.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra

Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện 125 lượt tổ chức, cá nhân có vi phạm; trong đó, vi phạm về kinh tế 368 triệu đồng, xử lý thu hồi về cho Nhà nước 136 triệu đồng, kiến nghị xử lý khác (giảm trừ thanh toán) 232 triệu đồng; ban hành 107 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 07 tổ chức và 100 cá nhân với số tiền 941 triệu đồng. Nội dung vi phạm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra chủ yếu thanh toán thừa khối lượng trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, vi phạm các quy định về trật tự xây dựng, trật tự an toàn giao thông, quản lý tài nguyên khoáng sản, khoa học - công nghệ và một số lĩnh vực khác.⁵

c) Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử phạt qua thanh tra, kiểm tra

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm đã thực hiện nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.019/1077 triệu đồng (đạt tỷ lệ 94,61%), gồm 105 triệu đồng tiền vi phạm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra và 914 triệu đồng tiền phạt xử lý vi phạm hành chính; đã thực hiện xong việc xử lý khác số tiền 232 triệu đồng (đạt tỷ lệ 100%).

3. Kết quả công tác quản lý nhà nước; xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, KNTC, PCTN (Biểu số 02/QLNN)

Trong kỳ, Chủ tịch UBND tỉnh đã có Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 trên địa bàn tỉnh, trong đó đã giao một số nhiệm vụ chủ yếu cho Thanh tra tỉnh trên các lĩnh

⁵ Kết quả thanh tra, kiểm tra của một số sở, ngành có phát hiện vi phạm như: Sở Giao thông vận tải thanh tra, kiểm tra tại 381 lượt tổ chức, cá nhân, phát hiện và ban hành 99 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 03 tổ chức và 96 cá nhân với số tiền 207 triệu đồng. Sở Xây dựng thanh tra, kiểm tra tại 56 lượt tổ chức, cá nhân, phát hiện 13 tổ chức vi phạm, trong đó vi phạm về kinh tế 197 triệu đồng, xử lý thu hồi về cho Nhà nước số tiền 56 triệu đồng, kiến nghị xử lý khác 141 triệu đồng. Sở Kế hoạch và Đầu tư thanh tra tại 02 tổ chức, phát hiện 02 tổ chức có vi phạm, trong đó vi phạm về kinh tế số tiền 171 triệu đồng, đã xử lý thu hồi về cho Nhà nước 80 triệu đồng, kiến nghị xử lý khác 91 triệu đồng. Sở Nông nghiệp và PTNT thanh tra, kiểm tra tại 39 tổ chức, cá nhân, phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính 04 cá nhân với số tiền 18 triệu đồng. Sở Tài nguyên và Môi trường thanh tra, kiểm tra tại 04 tổ chức, phát hiện và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 01 quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực khoáng sản đối với 01 tổ chức với số tiền 700 triệu đồng. Sở Khoa học và Công nghệ thanh tra, kiểm tra tại 53 tổ chức, phát hiện và ban hành 03 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 03 tổ chức với số tiền 16 triệu đồng...

vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN, tiêu cực; Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2023, trong đó đã giao một số nhiệm vụ chủ yếu cho Thanh tra tỉnh trên các lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC, PCTN, tiêu cực và xây dựng ngành theo từng tháng, quý và cả năm 2023; tham dự Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác thanh tra năm 2022 và triển khai kế hoạch năm 2023 do Thanh tra Chính phủ tổ chức; chỉ đạo Thanh tra tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết công tác thanh tra, giải quyết KNTC, PCTN trên địa bàn tỉnh năm 2022 và triển khai nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2023.

Ngành Thanh tra của tỉnh đã tham mưu Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp ban hành 56 văn bản để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC, PCTN và xây dựng ngành; tổ chức 08 hội nghị/lớp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, KNTC và PCTN cho 596 lượt cán bộ và người dân; tiến hành 06 cuộc thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu và thực hiện lồng ghép với 03 cuộc thanh tra hành chính trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN tại 14 đơn vị; cử 07 công chức ngành Thanh tra của tỉnh tham dự lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Thanh tra viên chính do Thanh tra Chính phủ tổ chức. Ngành Thanh tra của tỉnh hiện có 217 người, gồm 01 thanh tra viên cao cấp, 43 thanh tra viên chính và tương đương, 152 thanh tra viên và tương đương, 21 công chức và người lao động.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KNTC

1. Công tác tiếp công dân (các Biểu số: 01/TCD, 02/TCD)

Các cấp, các ngành trong tỉnh đã tiếp 501 lượt/681 người đến Trụ sở tiếp công dân và các cơ quan nhà nước trình bày 434 vụ việc KNTC, kiến nghị, phản ánh⁶ (có 176 vụ khiếu nại, 35 vụ tố cáo và 223 vụ việc kiến nghị, phản ánh), trong đó có 06 đoàn đông người/04 vụ việc với 73 người tham gia⁷.

⁶ Trong đó tiếp thường xuyên 383 lượt/498 người, tiếp định kỳ và đột xuất người 118 lượt/183 người. Chia ra theo từng cấp cụ thể như sau: UBND các xã, phường, thị trấn tiếp thường xuyên 154 lượt/157 người, tiếp định kỳ và đột xuất 35 lượt/92 người; UBND huyện, thị xã, thành phố tiếp thường xuyên 92 lượt/92 người, tiếp định kỳ và đột xuất 56 lượt/56 người; Các sở, ban, ngành tiếp thường xuyên 34 lượt/41 người, tiếp định kỳ và đột xuất 05 lượt/05 người; Thanh tra tỉnh và Ban Tiếp công dân tỉnh tiếp thường xuyên 103 lượt/208 người, lãnh đạo UBND tỉnh tiếp định kỳ và đột xuất 22 lượt/30 người.

⁷ Cụ thể: Vụ ông Trần Văn Ẽn và một số công dân ở thôn Nhân Ân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, kiến nghị yêu cầu giao đất tái định cư tương đương với diện tích đất của mỗi hộ dân bị thu hồi. Trường hợp các hộ được cấp 02 lô đất tái định cư trở lên thì yêu cầu cấp liền kề nhau và cùng vị trí ở khu tái định cư, liên quan đến việc Nhà nước thu hồi đất của các hộ dân ở thôn Nhân Ân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước để thực hiện Dự án xây dựng Kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước. Vụ ông Nguyễn Xuân Mười và một số hộ dân (18 hộ) ở thôn Hội Thành, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, khiếu nại việc Nhà nước gia hạn quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Ngũ Giáo, ông Võ Văn Thành và ông Đỗ Mạnh Hùng đối với diện tích đất NTTS của ông và một số hộ dân tại xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn là không đúng quy định; vì ông và một số hộ dân cho rằng diện tích đất NTTS nêu trên hộ ông Trần Ngũ Giáo, ông Võ Văn Thành và ông Đỗ Mạnh Hùng thuê lại của ông và một số hộ dân. Vụ ông Nguyễn Nhâm và một số công dân ở tổ 02 và tổ 03, khu vực 8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, kiến nghị yêu cầu hỗ trợ bổ sung giá trị chênh lệch về đất nông nghiệp cho các hộ dân ảnh hưởng giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng Khu dân cư phía Đông Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn tương tự như các hộ dân có đất nông nghiệp bị thu hồi khi Nhà nước thực hiện Dự án xây dựng Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn. Vụ ông Trần Văn Toàn và 01 số công dân (15 người) ở thôn Bình Đức, xã Cát Tân, huyện Phù Cát đến Trụ sở Tiếp công dân tỉnh bức

Qua tiếp công dân, các cấp, các ngành đã hướng dẫn công dân thực hiện việc KNTC, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định của pháp luật; giải thích, thuyết phục công dân chấp hành quyết định giải quyết đã có hiệu lực đối với những vụ việc đã được giải quyết đúng chính sách, pháp luật; chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc giải quyết kịp thời các vụ việc thuộc thẩm quyền.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư (các Biểu số: 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD)

Trong kỳ, các cấp, các ngành đã tiếp nhận, xử lý 981 đơn thư; trong đó, đơn đủ điều kiện xử lý 819 đơn, gồm 235 đơn/235 vụ khiếu nại, 35 đơn/35 vụ tố cáo và 549 đơn/545 vụ kiến nghị, phản ánh⁸.

Trong tổng số 235 vụ khiếu nại, liên quan đến lĩnh vực hành chính có 221 vụ, chiếm 94,04% (*trong đó: về đất đai, nhà ở có 170 vụ (chiếm 76,92%), về chế độ, chính sách có 16 vụ (chiếm 7,24%), lĩnh vực hành chính khác có 35 vụ (chiếm 15,84%)*); lĩnh vực tư pháp có 03 vụ, chiếm 1,28%; lĩnh vực khác có 11 vụ, chiếm 4,68%.

Trong tổng số 35 vụ tố cáo, liên quan đến lĩnh vực hành chính có 32 vụ, chiếm 91,43% (*trong đó: về đất đai, nhà ở có 09 vụ (chiếm 28,13%), về chế độ, chính sách có 04 vụ (chiếm 12,5%), về công chức, công vụ có 07 vụ (chiếm 21,88%), lĩnh vực hành chính khác có 12 vụ (chiếm 37,5%)*); lĩnh vực tư pháp có 03 vụ, chiếm 8,57%.

Qua tiếp nhận đơn thư, các cấp, các ngành đã phân loại, xử lý chuyển đơn tố cáo, kiến nghị, phản ánh; hướng dẫn công dân thực hiện việc khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật, lưu đơn do trùng lặp nội dung, nặc danh hoặc nêu lại sự việc cũ đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết đúng chính sách, pháp luật đối với các đơn KNTC, kiến nghị, phản ánh. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước các cấp có 132 đơn/vụ khiếu nại, 10 đơn/vụ tố cáo và 371 đơn/vụ kiến nghị, phản ánh.

3. Kết quả giải quyết KNTC thuộc thẩm quyền

a) Giải quyết khiếu nại (các Biểu số: 01/KQGQ, 02/KQGQ)

Trong tổng số 132 vụ khiếu nại thuộc thẩm quyền, đến nay Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước các cấp đã xem xét, giải quyết 115 vụ (đạt tỷ lệ 87,12%); trong đó, giải quyết thông qua giải thích, thuyết phục 06 vụ, giải quyết bằng quyết định hành chính 109 vụ⁹. Kết quả giải quyết cho thấy có 13 vụ khiếu nại đúng (chiếm

xúc trình bày: Kiến nghị xem xét, giải quyết giao đất ở trên thực địa cho 15 hộ dân ở thôn Bình Đức, xã Cát Tân, huyện Phù Cát đã thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước và được Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2006 và năm 2007.

⁸ Trong đó, Thanh tra tỉnh đã tiếp nhận, phân loại, xử lý 57 đơn/57 vụ, gồm 39 vụ khiếu nại, 05 vụ tố cáo và 13 vụ kiến nghị, phản ánh; Các sở, ban, ngành tiếp nhận, phân loại, xử lý 133 đơn/133 vụ, gồm 37 vụ khiếu nại, 11 vụ tố cáo và 85 vụ kiến nghị, phản ánh; UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận, phân loại, xử lý 384 đơn/380 vụ, gồm 100 vụ khiếu nại, 15 vụ tố cáo và 269 vụ kiến nghị, phản ánh; UBND các xã, phường, thị trấn tiếp nhận, phân loại, xử lý 245 đơn/245 vụ, gồm 59 vụ khiếu nại, 04 vụ tố cáo và 182 vụ kiến nghị, phản ánh.

⁹ Trong đó, Thanh tra tỉnh đã đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết 21/24 vụ việc (đạt tỷ lệ 87,50%); Thủ trưởng các sở, ban, ngành giải quyết theo thẩm quyền và đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết 17/19 vụ việc (đạt tỷ lệ 89,47%); Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố giải quyết 63/73 vụ việc (đạt tỷ lệ 86,30%); Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn giải quyết 14/16 vụ việc (đạt tỷ lệ 87,50%).

11,30%), 88 vụ khiếu nại sai (76,52%), 14 vụ khiếu nại đúng một phần (12,18%). Qua giải quyết khiếu nại đã khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp cho công dân 2.000 triệu đồng.

b) Giải quyết tố cáo (các Biểu số: 03/KQGQ, 04/KQGQ)

Trong số 10 vụ tố cáo thuộc thẩm quyền, đến nay Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước các cấp đã xem xét, giải quyết 09 vụ (đạt tỷ lệ 90%)¹⁰; trong đó, giải quyết bằng quyết định hành chính 09 vụ. Kết quả giải quyết cho thấy có 02 vụ tố cáo đúng (chiếm 22,22%), có 04 vụ tố cáo sai (chiếm 44,45%), 03 vụ tố cáo đúng một phần (chiếm 33,33%). Qua giải quyết tố cáo, các cấp, các ngành đã khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp cho công dân 7,18 triệu đồng.

4. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết 623/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện Văn bản số 338/UBTVQH15-DN ngày 17/10/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Văn bản số 7319/VPCP-V.I ngày 31/10/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 623/NQ-UBTVQH15 ngày 07/10/2022, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 7245/UBND-TD ngày 30/11/2022 chỉ đạo các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 623/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

5. Cập nhật kết quả thực hiện Kế hoạch số 363/KH-TTTP, số 1910/KH-TTTP của Thanh tra Chính phủ về việc kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài

Thực hiện Kế hoạch số 363/KH-TTTP ngày 20/3/2019 của Thanh tra Chính phủ về việc kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài, UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác do Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh làm Tổ trưởng. Qua kiểm tra, rà soát, hiện nay còn 14 vụ việc đã giải quyết hết thẩm quyền nhưng công dân vẫn tiếp tục gửi đơn đến nhiều nơi ở Trung ương và địa phương hoặc đến Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh để khiếu nại kéo dài. Chủ tịch UBND tỉnh đã tổ chức đối thoại nhiều lần và ban hành văn bản trả lời không xem xét lại nội dung khiếu nại, thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại nhưng công dân vẫn không chấp hành, lợi dụng quyền dân chủ tiếp tục khiếu nại kéo dài. Cụ thể như sau:

- Có 06 vụ việc liên quan đến bồi thường GPMB và đòi lại đất cũ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, rà soát, giải quyết và có ý kiến kết luận chỉ đạo giải quyết của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện, gồm: Bà Đỗ Thị Hương, bà Phạm Thị Hòa và bà Nguyễn Thị Hồng ở huyện Phù Cát; bà Bùi Thị Hương, bà Cao Thị Hạnh và bà Nguyễn Thị Hai ở thành phố Quy Nhơn.

¹⁰ Trong đó, Thanh tra tỉnh đã đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết 01/01 vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành giải quyết 02/2 vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố giải quyết 04/05 vụ; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn giải quyết 02/02 vụ.

- Có 06 vụ việc liên quan đến bồi thường GPMB, cấp GCN QSD đất và đòi lại đất cũ đã được các cấp chính quyền giải quyết theo thẩm quyền, đúng pháp luật, gồm: Nguyễn Thị Nhiều, Đinh Thị Hồng ở thành phố Quy Nhơn; bà Bùi Thị Thuận, Dương Mạnh Tiến, Nguyễn Thị Chu ở huyện Phù Mỹ; bà Phạm Thị Kim Chung ở huyện Phù Cát.

- Có 02 vụ việc liên quan đến bồi thường GPMB và đòi lại đất cũ đã được các cấp chính quyền và Tòa án các cấp giải quyết: bà Lê Thị Hồng Độ và ông Trần Phước Lợi ở thành phố Quy Nhơn.

Để giải quyết dứt điểm các vụ việc nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành tại Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 22/02/2023. Hiện nay, Đoàn kiểm tra liên ngành đang kiểm tra, rà soát lại các vụ việc nêu trên, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong tháng 5/2023.

III. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PCTN

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN

Ban Chỉ đạo PCTN, tiêu cực tỉnh đã ban hành Chương trình số 02-CTr/BCĐ ngày 07/11/2022 về công tác trọng tâm năm 2023 của Ban Chỉ đạo PCTN, tiêu cực tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành một số văn bản để chỉ đạo thực hiện công tác PCTN, tiêu cực¹¹; đồng thời chỉ đạo Thanh tra tỉnh và các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc công tác PCTN, tiêu cực, các Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thủ tướng Chính phủ trong dịp Tết Quý Mão năm 2023, tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác PCTN, tiêu cực năm 2023 theo quy định của pháp luật; chỉ đạo Thanh tra tỉnh thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các ngành, địa phương, đơn vị thực hiện việc kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2022 theo quy định của Luật PCTN năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Trong kỳ, Thủ trưởng các cấp, các ngành, đơn vị đã ban hành 56 văn bản để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch công tác PCTN, tiêu cực năm 2023 theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của UBND tỉnh. Trong kỳ, một số ngành, địa phương đã tổ chức 08 lớp/hội nghị để phổ biến quán triệt, tuyên truyền pháp luật về

¹¹ Cụ thể như: 1) Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 trên địa bàn tỉnh, trong đó đã giao một số nhiệm vụ chủ yếu cho Thanh tra tỉnh trên các lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN, tiêu cực; 2) Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 về phê duyệt nội dung kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập năm 2023 theo định hướng của Thanh tra Chính phủ tại Văn bản số 2220/TTCP-C.IV ngày 15/12/2022; 3) Văn bản số 518/UBND-KT ngày 08/02/2023 về việc tăng cường PCTN, tiêu cực và quản lý chặt chẽ công tác đào tạo, sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe trên địa bàn tỉnh; 4) Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 13/02/2023 về công tác PCTN, tiêu cực năm 2023; 5) Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2023, trong đó đã giao một số nhiệm vụ chủ yếu cho Thanh tra tỉnh trên các lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC, PCTN, tiêu cực và xây dựng ngành theo từng tháng, quý và cả năm 2023; 6) Văn bản số 982/UBND-NC ngày 28/02/2023 về việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức; 7) Văn bản số 1047/UBND-NC ngày 02/3/2023 về việc tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác PCTN, tiêu cực năm 2023; 8) Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 08/3/2023 về đánh giá công tác PCTN năm 2022.

PCTN, tiêu cực cho 596 lượt cán bộ và người dân. Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục thực hiện việc đưa nội dung PCTN vào giảng dạy tại các trường Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh trong năm học 2022 - 2023.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

UBND tỉnh và các ngành, địa phương tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện thường xuyên, nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa tham nhũng theo quy định của pháp luật về PCTN và Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Trong kỳ, UBND tỉnh đã sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành mới 27 văn bản quy phạm pháp luật có quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn để làm cơ sở triển khai thực hiện, qua đó góp phần phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực trong tổ chức triển khai thực hiện¹²; chỉ đạo công khai kịp thời, đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và các hoạt động của UBND tỉnh trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Định¹³; chỉ đạo thực hiện việc kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hằng năm và kê khai bổ sung năm 2022 theo quy định¹⁴; ban hành Văn bản số 982/UBND-NC ngày

¹² Một số văn bản như: Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 Ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 Ban hành Quy định cấp dự báo cháy rừng và Bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 04/02/2023 Sửa đổi, bổ sung Quy chế tuyển sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 Ban hành Quy chế quản lý hồ sơ viên chức tỉnh Bình Định; Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 Bãi bỏ Quyết định số 141/2004/QĐ-UB ngày 31/12/2004 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh Bình Định; Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 Ban hành Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 92/2022/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 Ban hành Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ mặt bằng hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 90/2022/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 Ban hành Quy định mức hỗ trợ một số nội dung chi theo quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 89/2022/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 về việc bổ sung một số nội dung vào điểm a, khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh định mức, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng trong vận tải hành khách bằng xe ô tô buýt của Xí nghiệp vận tải khách công cộng Quy Nhơn thuộc Hợp tác xã vận tải Bình Minh...

¹³ Trên lĩnh vực tài chính và ngân sách nhà nước: UBND tỉnh đã có Quyết định số 4444/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 của tỉnh Bình Định; Quyết định số 4461/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 của tỉnh Bình Định; Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. Theo quy định, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị đã thực hiện nghiêm túc việc công khai quyết toán, dự toán và tình hình thực hiện dự toán trên Trang thông tin điện tử theo quy định. Trên lĩnh vực đầu tư công: UBND tỉnh đã có Quyết định số 4279/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 về việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023. Trên lĩnh vực quản lý đất đai: Sở Tài nguyên và Môi trường đã công khai đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của sở (<https://stnmt.binhdingh.gov.vn/vi/page/Thong-tin-tiep-can-dat-dai.html>) quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; thông tin về việc đấu giá đất, thu hồi đất, cho thuê đất, giao đất các dự án, công trình; về việc giao dịch bảo đảm, cấp Giấy chứng nhận, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh...

¹⁴ Tại Văn bản số 6933/UBND-NC ngày 18/11/2022 về việc thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2022.

28/02/2023 chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị, địa phương thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức; ban hành và chỉ đạo thực hiện kế hoạch cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023¹⁵; chỉ đạo các ngành, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 23/CT-UBND ngày 11/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu về cải cách hành chính và chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan nhà nước các cấp; chỉ đạo tăng cường kiểm tra, thanh tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo kế hoạch.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã quan tâm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật; chỉ đạo và tổ chức triển khai việc kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị năm 2022 theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 6933/UBND-NC ngày 18/11/2022.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Trong kỳ, chưa phát hiện vụ việc, vụ án tham nhũng qua các hoạt động tự kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết tố cáo, báo cáo, phản ánh. Cơ quan điều tra các cấp trong tỉnh đã thụ lý điều tra 04 vụ/10 bị can¹⁶, trong đó kỳ trước chuyển sang 04 vụ/10 bị can; đã kết thúc điều tra đề nghị truy tố 01 vụ/03 bị can, đang điều tra 03 vụ/07 bị can. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh đã truy tố 01 vụ/03 bị can về tội tham nhũng¹⁷.

4. Kết quả PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước

Theo Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 13/02/2023, UBND tỉnh đề nghị người đứng đầu các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo, xây dựng ban hành theo thẩm quyền các quy chế, quy định để triển khai các nội dung phòng, chống tham nhũng theo quy định của Luật PCTN năm 2018 và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ, trọng tâm là ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc việc công khai, minh bạch tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức phù hợp với đặc thù trong tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức mình; xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh; cơ chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ; ban hành

¹⁵ Quyết định số 4510/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2023; Quyết định số 4599/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2022 - 2030” trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

¹⁶ Gồm: 1) vụ Hồ Thị Cẩm Lệ cùng đồng phạm tham ô tài sản, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng xảy ra tại Ban quản lý cấp và thoát nước huyện Tây Sơn (3 bị can, đã đề nghị truy tố); 03 vụ đang điều tra: 2) Vụ sai phạm trong cấp giấy chứng nhận QSD đất xảy ra tại UBND xã Mỹ Đức, Phòng TNMT huyện Phù Mỹ (5 bị can); 3) Vụ ông Nguyễn Xuân Cảnh tham ô tài sản xảy ra tại UBND phường Hoài Hảo, thị xã Hoài Nhơn, Bình Định (01 bị can); 4) Vụ bà Đoàn Thị Ngọc Hà - tham ô tài sản xảy ra tại Cty TNHH BĐS Hồng Đức, tp Quy Nhơn (01 bị can).

¹⁷ Vụ Hồ Thị Cẩm Lệ (thuộc Ban Quản lý cấp và thoát nước huyện Tây Sơn) cùng đồng phạm về “Tham ô tài sản” và tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

theo thẩm quyền quy định và phổ biến công khai, tập huấn cho người lao động, thành viên của doanh nghiệp, tổ chức biết các trường hợp xung đột lợi ích và cơ chế tiếp nhận thông tin, báo cáo về xung đột lợi ích trong doanh nghiệp, tổ chức; xây dựng và thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu doanh nghiệp, tổ chức khi để xảy ra tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức do mình quản lý, phụ trách. Đồng thời, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật tăng cường kiểm tra, hướng dẫn việc triển khai thực hiện công tác PCTN đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN

Trong kỳ, UBND tỉnh và các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị tiếp tục tăng cường quan hệ phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các cơ quan báo chí, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, Ban Thanh tra nhân dân, Tổ giám sát cộng đồng ở khu dân cư và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh trong việc tham gia xây dựng chính quyền nói chung và trong công tác PCTN, tiêu cực nói riêng. Thông qua việc thực hiện Pháp lệnh Dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Mặt trận Tổ quốc các cấp đã chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức thành viên, các Ban Thanh tra nhân dân, Tổ Giám sát cộng đồng ở khu dân cư tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật nói chung và pháp luật về PCTN, tiêu cực nói riêng; vận động Nhân dân chấp hành pháp luật, tham gia xây dựng, củng cố chính quyền cơ sở.

6. Việc ban hành các quy định cụ thể để triển khai thực hiện Luật PCTN và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ (có Danh mục văn bản kèm theo)

Trong kỳ, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 982/UBND-NC ngày 28/02/2023 về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai nghiêm túc, quyết liệt việc chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, phụ trách; chỉ đạo kịp thời thay thế, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức có dư luận gây phiền hà, sách nhiễu doanh nghiệp và Nhân dân, kể cả cán bộ, công chức, viên chức thụ động, chậm trễ không chủ động giải quyết công việc thuộc chức trách, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với việc thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác; kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện không nghiêm việc chuyển đổi vị trí công tác hoặc để xảy ra vi phạm pháp luật về PCTN, tiêu cực tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý. Hiện nay, các sở, ngành, địa phương đang xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức để phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của UBND tỉnh.

V. ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT CHUNG

1. Ưu điểm, kết quả

Hoạt động thanh tra trong Quý I năm 2023 được triển khai thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, bám sát Kế hoạch thanh tra được duyệt, đúng quy định của pháp luật. Một số ngành, địa phương đã kịp thời điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thanh tra năm 2023 đã được phê duyệt nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra¹⁸. Kết quả thanh tra đã phát hiện, kiến nghị xử lý một số vụ việc có vi phạm, góp phần chấn chỉnh, khắc phục những sơ hở, thiếu sót, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC được chú trọng thực hiện, ngành Thanh tra của tỉnh đã tập trung tham mưu giải quyết kịp thời những vụ việc bức xúc, đông người, nhất là các vụ việc liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng thi công các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Công tác PCTN, tiêu cực được các cấp, các ngành kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời quan tâm thực hiện thường xuyên, nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực, gắn với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, việc thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

2. Tồn tại, hạn chế

Một số ít sở, ngành phê duyệt và triển khai kế hoạch công tác thanh tra năm 2023 còn chậm so với thời gian quy định. Việc xây dựng báo cáo kết quả và ban hành Kết luận thanh tra một số cuộc còn kéo dài. Việc chỉ đạo xem xét, giải quyết một số vụ việc KNTC thuộc thẩm quyền tại một số sở, ngành, địa phương còn chậm; biện pháp giải quyết một số vụ việc chưa phù hợp thực tế, nhất là những vụ việc liên quan công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất nên không dứt điểm, dẫn đến khiếu kiện kéo dài, vượt cấp.

VI. CÔNG TÁC TRỌNG TÂM QUÝ II NĂM 2023

1. Công tác thanh tra

Thanh tra tỉnh và các sở, ngành, địa phương tập trung triển khai các cuộc thanh tra theo kế hoạch năm 2023 đã được duyệt và các cuộc thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Hoạt động thanh tra, kiểm tra phải bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, có chất lượng, hiệu quả, tránh chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, nhất là đối với doanh nghiệp. Chú trọng thực hiện thường xuyên công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra để việc xử lý sau thanh tra bảo đảm có hiệu lực, hiệu quả.

¹⁸ UBND các huyện An Lão và Tây Sơn.

2. Công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC

Các cấp, các ngành tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong chương trình, kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết KNTC”*. Duy trì thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác tiếp công dân từ tỉnh đến cơ sở, gắn với chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc giải quyết kịp thời các KNTC, kiến nghị, phản ánh của công dân. Tập trung chỉ đạo xem xét, giải quyết kịp thời, đúng chính sách, pháp luật, dứt điểm các vụ việc KNTC thuộc thẩm quyền, nhất là những vụ việc bức xúc, đông người, vượt cấp và các vụ việc liên quan đến công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, thu hồi đất để triển khai thi công các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

Thanh tra tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC cho lãnh đạo và cán bộ làm công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tiếp tục tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, kiên quyết, có hiệu quả các biện pháp PCTN, tiêu cực theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tăng cường công tác thanh tra, giải quyết KNTC của công dân gắn với yêu cầu phát hiện, kiến nghị xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật những hành vi tham nhũng, tiêu cực; xem xét, xử lý nghiêm trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách; tổ chức có hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện pháp luật về PCTN theo kế hoạch thanh tra năm 2023 đã đề ra. Trong đó, tập trung hoàn thành báo cáo kết quả thực hiện việc kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2022 và báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2022 theo chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Thanh tra tỉnh.

Thanh tra tỉnh tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện việc kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2022 đối với người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của Luật PCTN năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ; triển khai thực hiện việc đánh giá công tác PCTN năm 2022 trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ tại Kế hoạch số 344/KH-TTCTP ngày 15/02/2023 về đánh giá công tác PCTN đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2022; thực hiện xác minh tài sản, thu nhập năm 2023 theo kế hoạch đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

4. Công tác quản lý nhà nước và xây dựng ngành

Ngành Thanh tra của tỉnh khẩn trương tham mưu các cấp, các ngành quán triệt và triển khai thực hiện Luật Thanh tra năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đồng thời thường xuyên nắm bắt tình hình việc quán triệt và thực hiện các quy định của pháp luật, các quy chế, quy định của ngành Thanh tra và các lĩnh vực khác có liên quan của các ngành, địa phương, nhất là các lĩnh vực nhạy cảm được dư luận xã hội quan tâm, các lĩnh vực dễ xảy ra tiêu cực, tham nhũng, vi phạm

pháp luật nhằm góp phần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát với phương châm “*lấy phòng là chính, từ xa, từ sớm, từ cơ sở*”.

Thanh tra tỉnh và các sở, ngành, địa phương tiếp tục chú trọng củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan Thanh tra; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, giám sát, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ công chức thanh tra; tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm Thông tư số 01/2021/TT-TTCT ngày 11/3/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Thanh tra và cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân; thực hiện quy định về PCTN, tiêu cực, công khai minh bạch trong hoạt động của ngành Thanh tra.

Trên đây là kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh trong Quý I năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục II, TTCTP;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- UBKT Tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, BTCD, K11.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH
Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng sai phạm		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Thực hiện		Hình thức				Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (trđ)	Đất (m2)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo kế hoạch	Đột xuất					Tiền (trđ)	Đất (m2)	Tiền (trđ)	Đất (m2)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
MS	=2+3=4+	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Thanh tra tỉnh	8	6	2	7	1	2	50	2,321	0	2,321	0	0	0	0	0	0	0	0
Thanh tra huyện	21	6	15	20	1	7	27	357	0	0	0	357	0	0	0	0	0	0
Thanh tra sở	8	3	5	6	2	7	9	43	0	43	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng=	37	15	22	33	4	16	86	2,721	0	2,364	0	357	0	0	0	0	0	0

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Biểu số: 02/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA HÀNH CHÍNH

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

[illegible]

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

[illegible]

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng sai phạm		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Thực hiện		Hình thức				Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (trđ)	Đất (m2)	Tiền (trđ)	Đất (m2)	Tiền (trđ)	Đất (m2)	Hành		Chuyển		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo kế hoạch	Đột xuất									Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
MS	2+3=4	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Thanh tra tỉnh	5	4	1	5	0	2	38	2,321	0	2,321	0	0	0	0	0	0	0	0
Thanh tra huyện	11	4	7	11	0	2	13	357	0	0	0	357	0	0	0	0	0	0
Thanh tra sở	1	1	0	1	0	1	1	13	0	13	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng=	17	9	8	17	0	5	52	2,691	0	2,334	0	357	0	0	0	0	0	0

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

[illegible]

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra, kiểm tra trong năm						Số cuộc đã ban hành kết luận	Số tổ chức được thanh tra		Số cá nhân được thanh tra		Số tổ chức, cá nhân vi phạm			Tổng số tiền vi phạm (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền kiến nghị thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền kiến nghị xử lý khác	Quyết định xử phạt hành chính được ban hành			Xử phạt vi phạm hành chính			Chuyên cơ quan điều tra				
	Tổng số	Phân loại						Thanh tra	Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân		Bảng tiền		Bảng hình thức khác		Vụ	Đổi tượng					
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Thường xuyên	Kế hoạch	Đột xuất																Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số			Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân
MS	1=2+3 =4 +5+6	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13 +14	13	14	15=16 + 17=18 +19	16	17	18=19+ 20	19	20	21	22=2 3+24	23	24	25=26 +27	26	27	28=2 9+30	29	30	31	32
Tổng	315	3	312	283	22	10	11	130	78	508	369	125	25	100	368	368	0	136	136	0	232	107	7	100	941	736	205	0	0	0	0	0

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT
QUA THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH**

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh tế (Tr.đ)						Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính						Đã khởi tố		Ghi chú
	Số tiền vi phạm đã thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền vi phạm đã xử lý khác			Số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu (Tr.đ)			Số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác					
	Tổng số	về ngân sách nhà nước	về tổ chức, đơn vị	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15
Tổng	105	105	0	232	232	0	914	729	185	0	0	0	0	0	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Tiếp thường xuyên								Tiếp định kỳ và đột xuất của Thủ trưởng																									
				Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Thủ trưởng tiếp										ủy quyền tiếp															
						Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người											
															Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần				Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần
MS	1=4+13+22	2=5+14+23	3=6+7+15+16+24	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29								
Cấp tỉnh	125	238	97	103	208	50	25	6	73	0	4	3	22	30	1	21	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0								
Cấp sở	39	46	38	34	41	29	4	0	0	0	0	53	5	5	4	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0								
Cấp huyện	148	148	145	92	92	92	0	0	0	0	0	54	52	52	46	3	0	0	0	0	4	4	4	4	0	0	0	0	0								
Cấp xã	189	249	154	154	157	136	0	0	0	0	0	1032	32	88	14	1	0	0	0	0	13	3	4	2	1	0	0	0	0								
Tổng	501	681	434	383	498	307	29	6	73	0	4	1142	111	175	65	26	0	0	0	0	17	7	8	6	1	0	0	0	0								

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, XỬ LÝ ĐƠN QUA TIẾP CÔNG DÂN
Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị	Tổng số đơn nhận được qua tiếp công dân	Tổng số vụ việc được tiếp	Phân loại theo nội dung						Phân loại theo thẩm quyền								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	Ghi chú
			Khiếu nại		Tố cáo		Phản ánh, kiến nghị		Thuộc thẩm quyền		Không thuộc thẩm quyền							
			Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	số vụ việc	số đơn	Số vụ việc						
												Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết			
MS	11	12	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
Cấp tỉnh	125	97	53	38	15	10	57	49	50	38	75	59	36	15	8	5	0	
Sở, ngành	25	38	15	14	0	0	10	24	8	14	17	24	21	3	0	0	0	
Cấp huyện	148	145	63	57	9	9	76	79	71	68	77	77	48	29	0	10	0	
Xã, phường	157	154	73	67	15	16	69	71	100	103	57	51	37	14	0	7	0	
Tổng	455	434	204	176	39	35	212	223	229	223	226	211	142	61	8	22	0	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Biểu số: 01/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN THƯ
Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị	Tổng số đơn	Kỳ trước chuyển sang			Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác		Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền				
														Lần đầu	Nhiều lần			Tổng số	Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết	
MS	1=2+3+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9=11+12+13+14+15+16+17+18+22	10	11	12	13	14	15	16	17	18 = 19+20+21	19	20	21	22 = 23+24+25	23	24	25	26
Thanh tra tỉnh	165	1	62	1	4	97	0	165	57	57	39	5	13	19	0	8	30	33	24	1	8	24	15	9	0	0
Cấp sở	180	0	20	0	8	148	4	175	133	133	37	11	85	24	7	20	82	79	19	2	58	54	22	31	1	1
Cấp huyện	391	0	26	0	0	365	0	390	384	380	100	15	269	75	8	59	242	224	73	5	146	160	73	50	37	57
Cấp xã	245	0	4	0	2	239	0	245	245	245	59	4	182	54	1	64	126	177	16	2	159	68	56	6	6	0
Tổng	981	1	112	1	14	849	4	975	819	815	235	35	549	172	16	151	480	513	132	10	371	306	166	96	44	58

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI
Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang		Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ		Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung							Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết					Kết quả xử lý							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Tổng	đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Đã giải quyết			Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền				
											Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác				Lần đầu	Lần 2	Đã có bản án của tòa			Tổng	Lần đầu	Lần 2	Tổng	Hướng dẫn	Chuyên đơn	Đơn độc giải quyết	
MS	1=2+. .+5	2	3	4	5	6 = 7+8	7	8	9	10=11 +15+16 +17=18+...+22=23	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=24+25	24	25	26 = 27+28 +29	27	28	29	30
Thanh tra tỉnh	105	0	44	2	59	105	44	61	39	39	38	3	34	1	0	0	1	17	0	0	6	16	24	7	17	15	15	0	0	0
Cấp sở	59	0	13	0	46	59	13	46	37	37	33	3	29	1	1	0	3	11	11	0	5	10	19	2	17	18	9	9	0	0
Cấp huyện	100	0	9	0	91	100	9	91	100	100	91	9	69	13	2	0	7	22	2	0	23	53	73	71	2	27	26	1	0	0
Cấp xã	59	0	0	0	59	59	0	59	59	59	59	1	38	20	0	0	0	3	0	0	7	49	16	16	0	43	43	0	0	0
Tổng	323	0	66	2	255	323	66	257	235	235	221	16	170	35	3	0	11	53	13	0	41	128	132	96	36	103	93	10	0	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung								Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính					Tham nhũng	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Chưa giải quyết, trong hạn	Đang giải quyết	Tố cáo tiếp		Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền				
													Tổng công	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ	Khác							Quá thời hạn chưa giải quyết	Đã có kết luận giải quyết	Tổng số	Tố cáo lần đầu	Tố cáo tiếp	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyên đơn		Đơn đốc giải quyết
MS	1=2+.. +7	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+ 18.+21= 22+.. +25 =26+29	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26 = 27+28	27	28	29=30+31 +32	30	31	32	33
Thanh tra tỉnh	23	0	2	0	1	20	0	23	2	21	5	5	5	0	4	1	0	0	0	0	0	4	1	0	0	1	1	0	4	0	4	0	0
Cấp sở	11	0	2	0	0	9	0	11	0	11	11	11	8	2	1	0	5	0	3	0	0	9	2	0	0	2	2	0	9	1	8	0	0
Cấp huyện	15	0	1	0	0	14	0	15	1	14	15	15	15	1	3	5	6	0	0	0	0	11	0	0	4	5	5	0	10	0	10	0	3
Cấp xã	4	0	0	0	1	3	0	4	0	4	4	4	4	1	1	1	1	0	0	0	0	4	0	0	0	2	2	0	2	0	2	0	0
Tổng	53	0	5	0	2	46	0	53	3	50	35	35	32	4	9	7	12	0	3	0	0	28	3	0	4	10	10	0	25	1	24	0	3

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đã xử lý trong kỳ			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý			Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp	Khác	Đã được giải quyết	Đang giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
																					Tổng số	Chuyển đơn		Đơn đốc giải quyết
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=13+...+ 16=17+...+ 19=20+21	13	14	15	16	17	18	19	20	21= 22+23	22	23	24
Thanh tra tỉnh	35	1	16	1	1	18	0	37	18	19	13	13	0	9	0	4	2	2	9	8	5	5	0	0
Sở, ngành	109	0	5	0	8	92	4	109	5	104	85	85	32	15	3	35	22	11	52	58	27	25	2	0
Cấp huyện	275	0	16	0	0	259	0	275	16	259	269	265	6	205	13	41	48	34	183	146	119	65	54	34
Xã, phường	182	0	4	0	1	177	0	182	4	178	182	182	11	131	3	37	47	60	75	159	23	23	0	7
Tổng	601	1	41	1	10	546	4	603	43	560	549	545	49	360	19	117	119	107	319	371	174	118	56	41

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THUỘC THẨM QUYỀN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị	Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	Kết quả giải quyết														Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)							
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ		Đã giải quyết		Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân						Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Giải quyết lần đầu			Giải quyết lần 2		Chấp hành thời hạn giải quyết		
					Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tổ chức		Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổng số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Tổng số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Kiểu nại đúng	Kiểu nại sai	Kiểu nại đúng một phần	Công nhận QĐ g/q lần đầu	Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu	Đúng quy định	Không đúng quy định		
									Tiền (Trđ)	Đất (m²)															Tiền (Trđ)	Đất (m²)
MS	1=2+3	2	3	4	5=20+...+24	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
Thanh tra tỉnh	24	16	8	24	21	2	0	0	0	0	2000	0	0	1	0	0	0	0	0	1	2	1	12	5	21	0
Sở, ngành	19	13	6	19	17	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	5	2	9	0	17	0
Cấp huyện	73	9	64	73	63	3	0	0	0	0	0	0	0	6	0	0	0	0	0	5	45	8	5	0	63	0
Xã, phường	16	0	16	16	14	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1	10	3	0	0	14	0
Tổng	132	38	94	132	115	6	0	0	0	0	2000	0	0	9	0	0	0	0	0	8	62	14	26	5	115	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

[illegible]

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỔ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền	Trong đó số vụ việc tố cáo tiếp	Kết quả giải quyết																Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)						Chấp hành thời hạn giải quyết			
						Đã giải quyết				Kiến nghị thu hồi cho		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Kiến nghị xử lý hành		Chuyển cơ quan điều tra		Tổ cáo đúng	Trong đó tố cáo tiếp đúng	Tổ cáo sai	Trong đó tố cáo tiếp sai	Tổ cáo có đúng, có sai	Trong đó tố cáo tiếp có đúng, có sai	Đúng quy định	Không đúng quy định		
	Tổng số	Số vụ việc lần đầu	Số vụ việc rút toàn bộ nội			Số vụ việc đình chỉ không do viết tắt, số	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tổ chức		Cá nhân		Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức, người bị kiến nghị xử lý	Số đối tượng	Số vụ			Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức, người bị kiến nghị xử lý													
									Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)																			
MS	1=2+3	2	3	4	5	6=7+8+9+10+11+12+13+14+15+16+17+18+19+20+21+22+23+24+25+26+27+28+29+30+31	7	8=25+27+29	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
Thanh tra tỉnh	1	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	
Sở, ngành	2	2	0	2	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	7.18	0	0	169	1	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0
Cấp huyện	5	0	5	5	1	4	3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	3	0	0	0	4	0	
Xã, phường	2	0	2	2	1	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	2	0	
Tổng	10	3	7	10	2	9	8	1	0	0	0	0	0	0	7.18	0	0	169	1	1	0	0	0	2	1	4	0	3	0	9	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN NỘI DUNG TỔ CÁO

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị	Tổng số kết luận phải thực hiện	Số kết luận di thực hiện xong	Thu hồi cho Nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân												Đã xử lý hành chính			Đã khôi tổ		
			Phải thu		Đã thu		Phải trả						Đã trả						Tổng số tổ chức bị xử lý	Tổng số cá nhân bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
			Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Số tổ chức phải được trả lại quyền lợi	Số cá nhân phải được trả lại quyền lợi	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức đã được trả lại quyền lợi	Số cá nhân đã được trả lại quyền lợi	Tổ chức		Cá nhân							
									Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)			Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)						
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Thanh tra tỉnh	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Sở, ngành	2	2	0	0	0	0	0	169	0	0	7.18	0	0	169	0	0	7.18	0	0	1	1	0	0	0
Cấp huyện	4	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Xã, phường	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	9	7	0	0	0	0	0	169	0	0	7.18	0	0	169	0	0	7.18	0	0	1	1	0	0	0

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

MS	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Số liệu
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	56
2	Số văn bản sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	0
3	Số văn bản bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		0
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về PCTN được tổ chức	Lớp	8
5	Số lượt CB,CC,VC, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	596
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật PCTN được xuất bản	Tài liệu	0
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		0
	Công khai minh bạch hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)		0
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ,TC,ĐV	14
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ,TC,ĐV	0
	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ		0
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	20
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	7
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	9
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	1
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	0
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Tr.đồng	43
17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Tr.đồng	43
	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn		0
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ,TC,ĐV	14
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Tr.đồng	0
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	0
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn		0
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0

	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		0
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	2,078
26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	1,259
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Tr.đồng	0
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	0
	<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>		0
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	785
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	2
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ,TC,ĐV	3
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
35.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	0
35.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		0
36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
	<i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		0
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	0
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	0
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	0
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	Vụ	0
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	0
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	Người	0
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>		0
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư và xử lý đề nghị của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư	vụ	0
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư và xử lý đề nghị của cơ quan dân cư	Người	0
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	0
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	0
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	0
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		0
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ	0
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Người	0
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		0
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0

55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		0
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	0
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	0
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		0
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố		0
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>	Người	0
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	0
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	0
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	0
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHƯNG		0
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng		0
68.1	- Khiển trách	Người	0
68.2	- Cảnh cáo	Người	0
68.3	- Cách chức	Người	0
68.4	XỬ LÝ THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		0
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thông kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thông kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	0
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thông kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thông kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	0
68.1	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	0
68.2	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	0
68.3	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	0
68.4	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	0
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0
	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i>		0
73	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
74	Đất đai	m ²	0
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>		0
75	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
75.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	0
75.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	0
76	Đất đai	m ²	0
76.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	0

76.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		0
77	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
78	Đất đai	m ²	0
	PHONG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		0
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	0
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	0
83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	0
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	0
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ
Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra vụ việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc
	Không có			

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Biểu số: 03/PCTN

KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỒ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHƯNG^(*)

(Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023)

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tên, số, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành văn bản	Nội dung sơ hồ, dễ bị lợi dụng để tham nhũng	Kết quả khắc phục			Ghi chú
				Đã được khắc phục theo thẩm quyền	Chưa khắc phục xong	Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong	
MS	1	2	3	4	5	6	7
Không có							

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Biểu số: 01/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG THANH TRA

Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Người

Đơn vị	Số lượng Công chức, viên chức, người lao động trong kỳ					Số lượng biên chế trong kỳ		Số người được chuyển đổi vị trí công tác	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ											Vi phạm và kết quả xử lý						
	Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		Tổng số		Trong đó										Trong số các nhân vi phạm		Đã xử lý		Đang và chưa xử lý	
		Số TTV cao cấp và tương đương	Số TTV chính và tương đương	Số TTV và tương đương	Khác				Nhu cầu	Đã thực hiện	Thanh tra viên		Thanh tra viên chính		Thanh tra viên cao cấp		Tiếp công dân, KN, TC		Khác		Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự
											Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện						
MS	1=2+..+5	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
Thanh tra tỉnh	44	1	16	22	5				18		9		9													
Thanh tra sở	112	0	18	89	5	0	0	0	34	6	3	0	8	6	0	0	0	0	23	0	0	0	0	0	0	0
Thanh tra huyện	61	0	9	41	11	1	1	0	42	1	1	0	1	1	0	0	36	0	4	0	0	0	0	0	0	0
Tổng=	217	1	43	152	21	1	1	0	94	7	13	0	18	7	0	0	36	0	27	0	0	0	0	0	0	0

**BIỂU MẪU
THỐNG KÊ CÁC BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN LIÊN QUAN BAN HÀNH VĂN
BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HƯỚNG DẪN LUẬT PCTN**
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Cơ quan	Số văn bản	Ngày ban hành	Ghi chú
I	Quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, ngành, lĩnh vực do mình quản lý (Điều 21 Luật PCTN)			
1	Công văn của UBND tỉnh Bình Định	Số 1223/UBND-NC	Ngày 03/5/2007	Về việc tổ chức thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy hành chính tại địa phương.
1				
II	Danh mục, thời hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi chức vụ (Điều 22, Điều 23 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP)			
1				
2				
III	Danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác (Điều 36 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP)			
1	Công văn của UBND tỉnh Bình Định	Số 3994/UBND-NC	Ngày 13/9/2016	V/v xây dựng và thực hiện kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức;
2	Công văn của UBND tỉnh Bình Định	Số 982/UBND-NC	Ngày 28/02/2023	V/v thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức.